

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42/2022/HN-ST**

Ngày: 18/5/2022

V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Danh Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Sển, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST - HNGĐ ngày 09/02/2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST - HN ngày 04/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST – HN ngày 27/4/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Th, sinh năm: 1972 (*Có mặt*).

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn Nh, sinh năm: 1971 (*Vắng mặt không có lý do*)

Cùng địa chỉ: Khu phố MA, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày và yêu cầu như sau:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Tấn Nh chung sống với nhau từ năm 1995, trước khi chung sống vợ chồng có quen biết nhau trước rồi cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và có thực hiện việc đăng ký kết hôn nên được UBND thị trấn ML cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/10/2002. Sau khi đám cưới, vợ chồng chị về sinh sống tại khu phố MA cho đến tháng 12/2021 thì vợ chồng ly thân cho đến nay.

Trong quá trình chung, vợ chồng chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường hay cự cãi về kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm trong mọi vấn

đề, anh Nh luôn nghe lời cha mẹ ruột và anh chị em của anh. Khi gia đình anh và chị Th có mâu thuẫn, anh Nh không hỏi lý do mà đánh chị Th không cho chị cơ hội để giải thích. Khi vợ chồng lên Bình Dương để làm ăn sinh sống thì anh Nh vẫn không thay đổi tính tình. Mâu thuẫn kéo dài nhưng chị cố nhẫn nhịn vì con còn quá nhỏ.

Từ khi vợ chồng ly thân, mỗi lần anh Nh gặp chị là anh Nh kiểm chuyện chữ và dùng lời lẽ xúc phạm chị rất nhiều. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Nh.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 29/8/1996 và Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 20/8/1998. Hiện nay 02 người con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có tạo lập được 01 số tài sản chung nhưng khi ly hôn, anh chị đã thỏa thuận để tài sản lại cho 02 con nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Th xác nhận, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng chị không có phát sinh nên không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Tấn Nh trình bày và yêu cầu như sau*:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Th chung sống với nhau từ năm 1995 và có thực hiện việc đăng ký kết hôn nên được UBND thị trấn ML cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/10/2002. Từ lúc cưới nhau vợ chồng anh sống rất hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, tình cảm vợ chồng rạn nứt nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay, anh không đồng ý ly hôn với chị Th vì anh còn thương vợ thương con.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 29/8/1996 và Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 20/8/1998. Hiện nay 02 người con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh Nh xác nhận, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh không có phát sinh nên không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa*:

- *Chị Th yêu cầu*: Được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Nh; 02 người con chung đã trưởng thành, tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không có tranh chấp và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Anh Nh*: Vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Th được ly hôn với anh Nh; con chung, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét; Buộc chị Th chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Bùi Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn Nh là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị Th khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh Nh có nơi cư trú tại khu phố MA, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng anh Nh vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Th và anh Nh chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/10/2002 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th và anh Nh đều xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được và vợ chồng phải ly thân cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị Th cương quyết ly hôn với anh Nh mặc dù anh Nh không đồng ý. Đồng thời HĐXX xét thấy, việc anh chị ly thân từ năm 2021 đến nay là thời gian dài anh chị đã không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Th được ly hôn với anh Nh.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Th và anh Nh xác nhận, anh chị có 02 người con chung và hiện nay những người con này đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Th và anh Nh xác nhận, trong quá trình chung sống, anh chị có tạo lập được tài sản chung nhưng khi ly hôn anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị Th và anh Nh xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Th phải chịu án phí hôn nhân với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Nh.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị Bùi Thị Th chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0001034 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên chị Th không phải nộp thêm.

3. *Quyền kháng cáo*: Chị Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/5/2022)

Riêng anh Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND thị trấn M L;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh